TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 12, 18/03 – 22/03/2024

Lãi suất thấp, nhóm ngân hàng quay lại xu hướng tăng

Tiêu điểm:

- Ngân hàng Trung ương Thụy Sỹ (SNB) bất ngờ quyết định giảm lãi suất. Hành động của SNB có thể kéo theo các động thái nới lỏng chính sách tiền tệ tiếp theo từ các ngân hàng trung ương khác.
- FED hôm 20/3 giữ nguyên lãi suất tham chiếu ở đỉnh 22 năm, đồng thời dự báo giảm lãi 3 lần năm nay.
- Toàn bộ 4 ngân hàng BIG 4 Việt Nam nhận nhiều tiền gửi nhất hệ thống đã giảm lãi suất huy động xuống dưới 5%.

Đánh giá: Những thông tin tích cực trong tuần rồi xoanh quanh về lãi suất có lẽ đã hỗ trợ cho đà tăng của VNINDEX. Đáng chú ý khi SNB bất ngờ giảm lãi suất; đây được coi là động thái hạ lãi suất đầu tiên đến từ một trong những nền kinh tế lớn trên thế giới, ngụ ý rằng cuộc chiến chống lạm phát sắp đến hồi kết và các ngân hàng trung ương khác có lẽ cũng sẽ bắt đầu hạ lãi suất. Tại Việt Nam, trong thời gian gần đây, NHNN liên tục hút tiền về bằng tín phiếu để ổn định tỷ giá, cũng phần nào tác động đến tâm lý thị trường. Dù tác động là chưa lớn nhưng nhà đầu tư cũng nên lưu ý đến rủi ro này.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, VNINDEX hình thành cây nến rút chân khá dài và đóng của tại 1,281.8 (+18 điểm, +1.43%) với thanh khoản cải thiện tốt. Trong tuần, đã có thời điểm thị trường chạm vùng 1,220 gần EMA 50 rồi lập tức tăng trở lại 1,240 – vùng EMA 50 ngay trong phiên, sau đó thị trường tiếp tục đi lên bởi sự dẫn dắt của nhóm ngân hàng. Hỗ trợ và kháng cự tham chiếu lần lượt là 1,250 và 1,300.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư chờ đợi những phiên bật tăng từ vùng nền gần EMA20/EMA50 để có vị thế an toàn khi giải ngân. Những nhóm ngành/cổ phiếu được hưởng lợi từ sự phục hồi của nhóm bất động sản sẽ được dòng tiền chú ý trong thời gian tới.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,264	1.3	5.1	14.6	11.8		16.3	1.8	208
Upcom Index	91	0.1	1.4	7.4	5.0		12.6	1.3	49
HNX Index	240	1.4	2.9	5.5	3.7		23.2	1.3	12
VN30 Index	1,256	0.5	3.2	14.5	11.0		12.6	1.7	146
S&P 500 Index	5,150	0.5	2.4	9.1	8.0		24.7	4.7	44,912
STOXX Europe 600 Index	506	0.6	3.6	6.2	5.7		14.8	2.1	14,735
Hang Seng	16,721	2.2	4.9	-0.4	-1.9		8.9	1.0	2,542
Nikkei 225	38,708	-2.5	1.4	17.4	15.7		27.8	2.2	4,633
SHCOMP Index	3,055	0.3	6.6	3.8	2.7		14.0	1.3	6,414
STI Index	3,174	0.8	-0.1	1.8	-2.1		11.2	1.1	364
KOSPI Index	2,667	-0.5	2.0	4.0	0.4		1.4	1.0	1,608

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 6299 8011
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.7	5.3	15.1	8.7	13.2	49.1	77.8	0.4	14.4	1.9	4,594,630
Mid Cap	1.2	5.4	13.1	6.5	22.4	61.7	21.2	-0.3	20.7	1.3	551,507
Small Cap	-11.7	-11.3	-11.1	6.0	-2.2	7.3	1.1	0.0	29.3	0.7	70,145

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Ngân hàng	3.3	4.9	20.4	14.8	8.0	25.7	17.9	1.0	10.3	1.7	2,070,363
Bất động sản	2.9	1.7	6.7	38.2	48.5	94.5	24.3	5.3	15.2	1.3	800,550
Dược và Y tế	2.4	5.6	8.5	53.1	52.1	124.6	0.2	0.1	14.8	2.0	37,601
Bán lẻ	2.3	10.9	19.3	-15.7	-2.3	47.2	3.7	-1.0	225.8	3.6	110,997
Tài nguyên cơ bản	1.4	6.4	8.8	8.1	11.1	35.2	7.1	0.0	32.8	1.6	230,422
Ô tô & Phụ tùng	0.9	1.9	10.4	-16.9	21.0	41.0	0.4	-0.1	19.4	1.2	16,132
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	0.5	14.9	20.1	8.7	15.2	46.9	5.8	0.0	15.6	1.5	156,548
Dầu khí	0.0	6.8	10.9	1.7	5.6	76.1	1.2	-0.1	23.5	2.3	66,043
Tiện ích	-0.1	2.8	8.0	-12.6	3.1	42.6	1.2	-0.3	15.9	1.9	316,656
Tài chính	-0.3	10.6	20.9	-7.1	3.2	44.8	15.6	-2.6	24.1	1.8	219,063
Du lịch và Giải trí	-0.5	1.0	-0.3	-5.6	2.7	4.2	0.4	-0.1	n.a	20.2	96,246
Thực phẩm và đồ uống	-0.7	2.4	3.6	-14.8	-4.7	34.8	7.5	-2.0	24.4	2.4	441,783
Công nghệ Thông tin	-1.1	8.9	17.0	0.9	8.5	56.0	1.8	-0.1	23.3	3.8	160,660
Bảo hiểm	-1.1	0.6	7.1	-19.8	-3.1	32.0	0.2	-0.1	14.5	1.5	43,651
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.2	9.0	16.4	-4.1	20.1	76.8	1.4	-0.2	6.9	2.0	62,098
Hóa chất	-2.8	14.9	37.7	1.1	9.6	67.9	4.8	-0.3	26.5	2.1	245,051
Truyền thông	-4.8	-5.3	-11.9	12.9	24.1	88.5	0.1	0.0	29.4	1.0	1,886
Xây dựng và vật liệu	-5.8	-2.7	1.7	16.7	21.3	54.8	6.6	0.5	23.1	1.2	138,369

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,484**	-20.4	-44.2	-176.4	-196.5
Nước ngoài	**2,475**	-12.2	-14.4	-130.5	-22.7
VanEck Vectors Vietnam ETF	555	0.0	1.3	-0.6	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	904	-9.4	4.8	15.4	76.3
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	447	0.0	0.0	-90.2	-187.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	353	-2.7	-19.3	-22.8	44.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	187	0.0	0.0	-30.5	-24.1
Premia MSCI Vietnam ETF	14	0.0	-1.2	-1.8	-2.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,009**	-8.2	-29.8	-45.8	-173.8
DCVFMVN Diamond ETF	568	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	314	-3.1	-22.4	-25.3	-68.3
SSIAM VNFIN LEAD ETF	86	-5.1	-7.4	-19.3	-105.0
MAFN VN30 ETF	25	0.1	0.0	-0.5	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	-0.8	-0.9
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	0.0	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-6,066	-33,134	-67,495
Ấn độ	-248	4,253	1,595	1,595
Indonesia	112	607	1,787	1,787
Nhật Bản*	-9,807	-5,355	19,207	19,207
Maylaysia	-99	-550	-128	-128
Philippines	19	6	215	215
Hàn Quốc	2,609	2,271	10,190	10,645
Sri Lanka	-9	-14	-26	-26
Đài Loan	-1,583	1,621	6,444	6,444
Thái Lan	-1,029	-1,125	-1,913	-1,913
Việt Nam	-47	-150	-199	-199

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

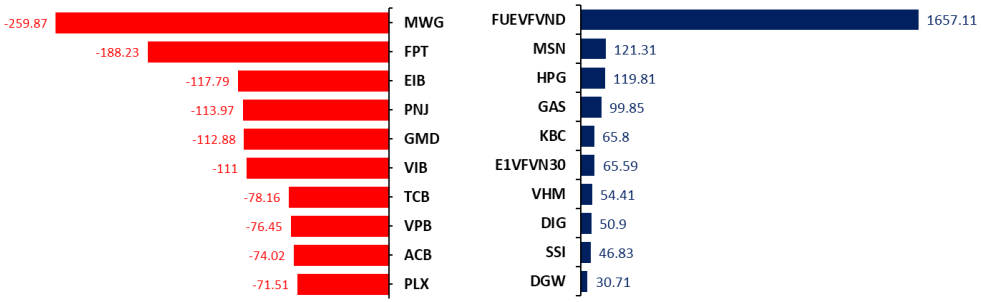
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

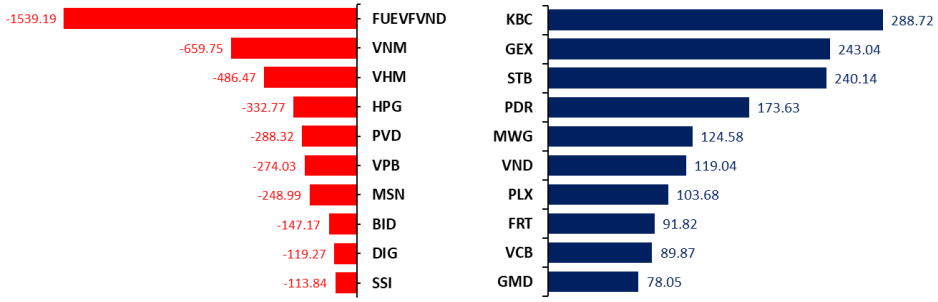
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	65	-101	355	-254
Tài nguyên Cơ bản	135	-128	-67	195
Truyền thông	0	-7	7	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-194	73	43	-116
Y tế	6	-14	7	6
Hóa chất	31	2	-186	184
Dịch vụ tài chính	1,726	-1,641	-76	1,717
Du lịch và Giải trí	2	-16	-8	24
Ngân hàng	-676	-291	-51	342
Xây dựng và Vật liệu	-23	-84	135	-51
Thực phẩm và đồ uống	83	-605	290	314
Bán lẻ	-236	222	-140	-82
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	101	-33	-73	106
Hàng cá nhân & Gia dụng	-114	-36	88	-52
Công nghệ Thông tin	-184	0	155	-155
Ô tô và phụ tùng	-11	54	-66	11
Bảo hiểm	-4	1	2	-3
Dầu khí	-70	-116	146	-30
Tổng	635	-2,719	561	2,157

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VRC	Bất động sản	6.79 - 12.80	10.1	-12.2%
2	GMH	Xây dựng và Vật liệu	9.23 - 11.45	10.1	-10.6%
3	BTP	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.65 - 20.65	15.2	-9.0%
4	ABT	Thực phẩm và đồ uống	29.90 - 40.05	34.7	-8.7%
5	NO1	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.50 - 12.10	8.8	-8.3%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
19.7%	21.9	17.70 - 27.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	L10
17.5%	42.3	22.80 - 44.65	Bất động sản	D2D
12.1%	32.0	12.05 - 32.30	Bất động sản	DIG
12.1%	31.5	11.65 - 31.50	Bất động sản	PDR
12.0%	32.0	7.11 - 15.30	Bất động sản	TCH

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NAP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.80 - 13.30	9.6	-16.5%
2	STP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.70 - 11.00	9.0	-14.3%
3	MCO	Xây dựng và Vật liệu	2.80 - 38.00	29.8	-14.1%
4	SDC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.80 - 9.40	8.2	-12.8%
5	L62	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.20 - 3.90	2.3	-11.5%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
19.7%	8.5	7.10 - 13.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DPC
17.9%	19.1	11.30 - 19.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	BXH
17.0%	11.7	8.60 - 22.50	Thực phẩm và đồ uống	KHS
16.7%	6.3	4.50 - 8.80	Tài nguyên Cơ bản	KKC
16.5%	9.9	8.50 - 12.00	Xây dựng và Vật liệu	PDB

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	QHW	Thực phẩm và đồ uống	22.00 - 44.70	29.0	-29.1%
2	DLT	Du lịch và Giải trí	8.60 - 21.00	8.6	-27.1%
3	HNB	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.70 - 17.90	12.5	-26.9%
4	BVN	Hàng cá nhân & Gia dụng	9.10 - 20.70	12.8	-24.3%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	2.30 - 15.50	6.4	-23.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
64.0%	12.3	6.40 - 16.40	Hàng cá nhân & Gia dụng	GTD
51.3%	5.9	2.50 - 6.90	Bán lẻ	TV6
47.4%	14.0	5.00 - 15.70	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	MTG
43.8%	2.3	1.10 - 2.50	Bất động sản	PIV
42.9%	6.0	3.00 - 7.50	Thực phẩm và đồ uống	BQB

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	VSH	CTCP Cảng Quy Nhơn	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,016.3	406.9	49.5	37.70 - 52.00	-0.5
2	ACC	Đầu tư và XD Bình Dương ACC	Xây dựng và Vật liệu	769.5	282.8	13.6	10.55 - 14.75	6.7
3	AGG	Bất động sản An Gia	Bất động sản	40,447.9	120.5	23.9	20.70 - 36.00	7.0
4	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	529.9	112.0	44.0	34.81 - 45.25	0.0
5	IMP	IMEXPHARM	Y tế	2,453.6	107.7	69.3	44.76 - 71.43	4.1
6	NBB	577 CORP	Bất động sản	14,645.9	96.7	25.5	12.50 - 25.80	2.0
7	PVP	Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10,892.6	75.1	14.0	10.60 - 16.25	-1.1
8	DVP	ĐT và PT Cảng Đình Vũ	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,190.0	73.5	79.0	48.00 - 79.00	9.1
9	SCR	Sacomreal	Bất động sản	43,138.4	69.2	7.8	5.70 - 9.73	5.7
10	HHS	Đầu tư DV Hoàng Huy	Ô tô và phụ tùng	30,432.9	68.0	9.2	3.74 - 9.41	9.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

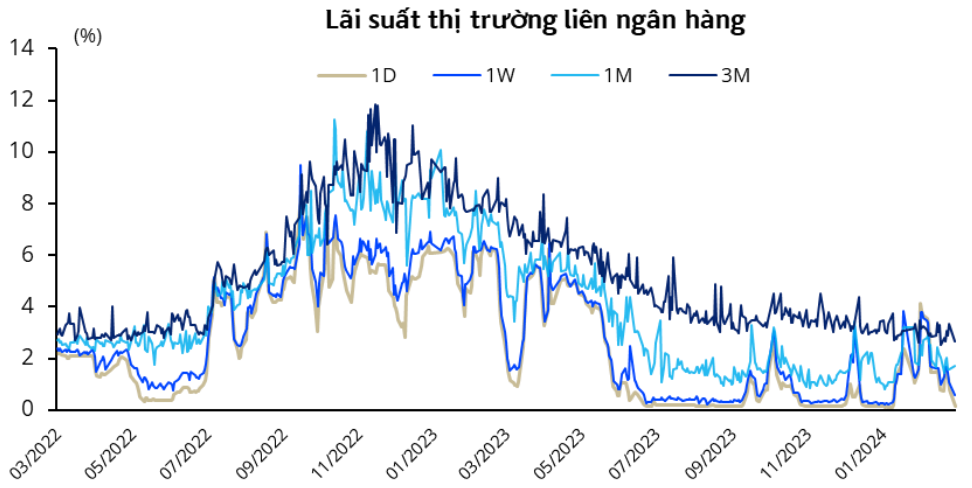
Tỷ giá

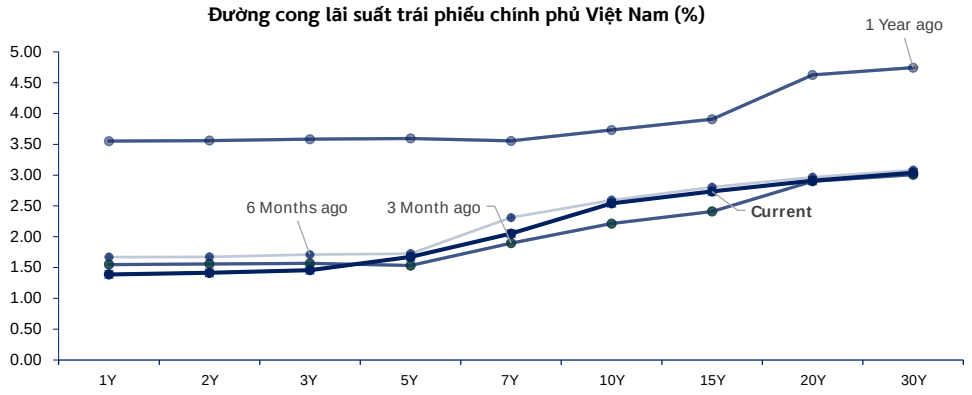
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	104.35	0.9	0.4	2.6	3.0	
VND/USD	24,810	0.4	1.0	2.3	2.2	
KRW/USD	1,338.45	0.6	0.7	2.7	3.9	
JPY/USD	151.51	1.7	0.7	6.4	7.4	
EUR/USD	0.92	0.6	0.0	1.8	2.0	
SGD/USD	1.35	0.8	0.4	1.8	2.1	
CNY/USD	7.23	0.4	0.5	1.3	1.8	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	81.06	0.0	3.1	10.2	13.1	
Xăng	273.18	0.4	17.0	28.2	29.9	
Gas	1.68	1.7	-2.8	-35.5	-33.1	
Than	128.25	-2.5	7.4	-11.7	-12.4	
Vàng	2,168.62	0.6	7.1	5.6	5.1	
Bạc	24.59	-2.4	8.1	1.7	3.4	
Platinum	907.78	-3.3	0.7	-7.0	-8.5	
Quặng sắt	110.94	0.0	-12.9	-18.0	-18.6	
Thép cán	3,842.00	1.3	-4.4	-5.8	-5.8	
Lúa mì	542.75	2.7	-6.9	-11.9	-13.6	
Ngô	437.75	0.2	7.8	-7.5	-7.1	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.39	1.41	1.46	1.67	2.05	2.54	2.74	2.41	2.81
Thay đổi (BPS)*	6.10	4.90	5.90	3.40	4.00	1.20	2.30	0.40	1.90

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.